TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ

Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 2 L, khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số CCCD: 079178035943

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: D ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Số CCCD: 083076014800

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2026, văn bản trình bày ý kiến ngày 02/7/2026, đơn xin vắng mặt ngày 02/7/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Hoàng D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2023, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời vợ chồng đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm. Nay bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung,

tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc P đối với ông Nguyễn Hoàng D; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc P phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông D có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà P theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc P và ông Nguyễn Hoàng D xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2023 nên hôn nhân của bà P và ông D là hợp pháp. Bà P cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, đồng thời ông D cũng không đến Tòa án để cùng

hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông Duy thực T có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Bà P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc P đối với ông Nguyễn Hoàng D. Bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009490 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4/ Bà Nguyễn Ngọc P và ông Nguyễn Hoàng D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường P, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thi